BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17/12/2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2020

Lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng

Tuần từ: 18/12/2020 đến: 24/12/2020

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
				TBNN	Năm 2019	Năm 2018	
A	**Cao Bằng**			**1%**	**-17%**	**-11%**	
1	Cao Bằng	1	1425	-1%	-22%	-15%	3
2	Nguyên Bình	9	1662	-4%	-15%	-4%	3
3	Trùng Khánh	1	1739	7%	-16%	-13%	3
B	**Lạng Sơn**			**1%**	**3%**	**-30%**	
4	Bắc Sơn	4	1545	2%	-15%	-14%	3
5	Đình Lập	0	1344	-8%	21%	-26%	2
6	Hữu Lũng	1	1390	19%	29%	-64%	1
7	Lạng Sơn	3	1211	-10%	-11%	-27%	1
8	Thất Khê	6	1468	1%	-9%	-17%	2
	Trung bình						

Nhận xét:

Theo số liệu mưa thực đo từ 1/1/2020 đến 7 giờ ngày 16/12/2020 cho thấy:

- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Lạng Sơn cao hơn 3% so cùng kỳ năm 2019 và cao hơn 1% với trung bình nhiều năm
- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Cao Bằng thấp hơn 17% so với cùng kỳ năm 2019 và cao hơn 1% với trung bình nhiều năm

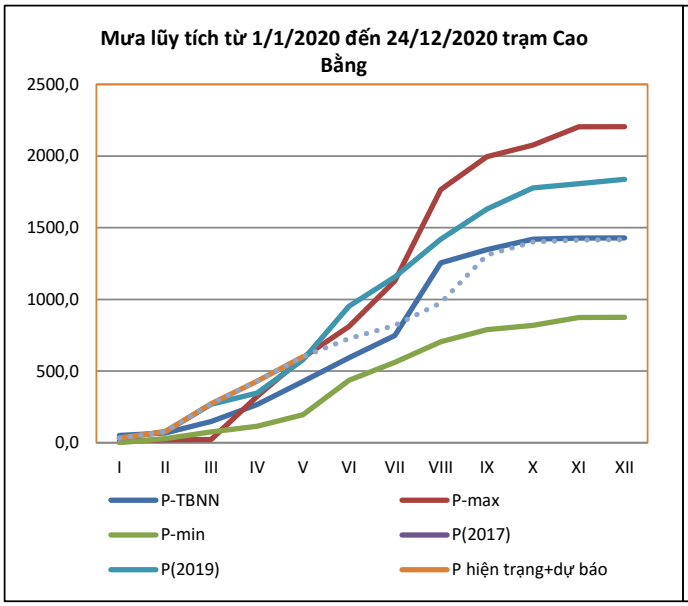

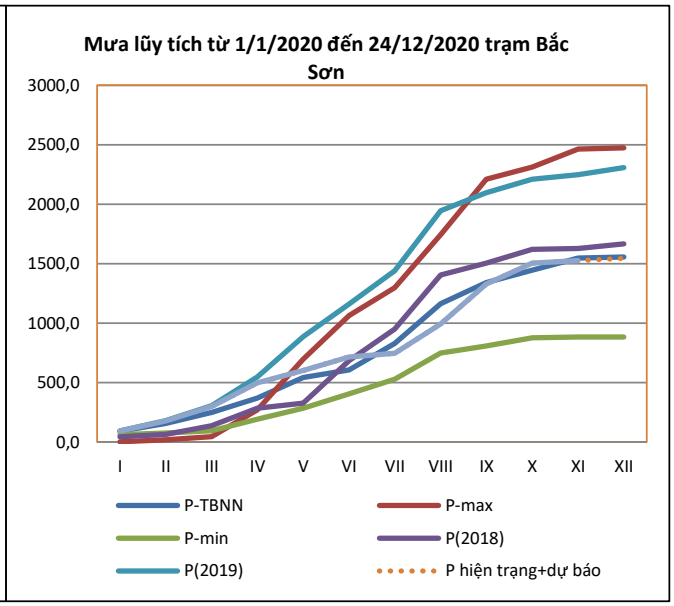

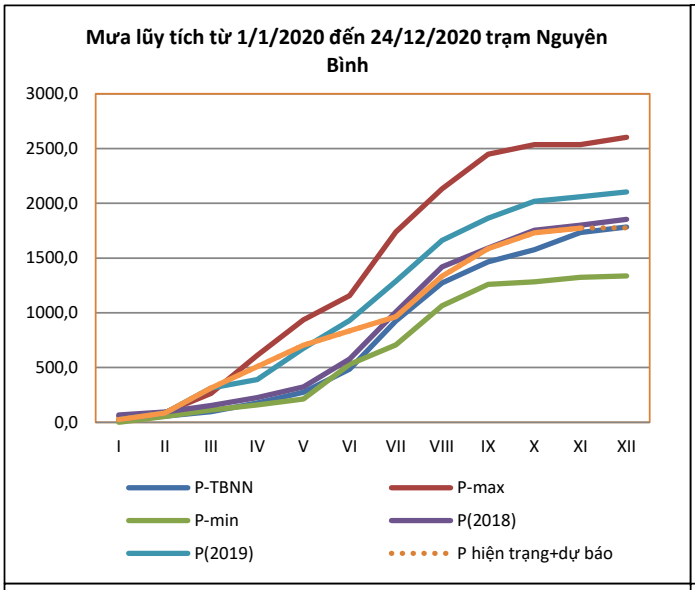

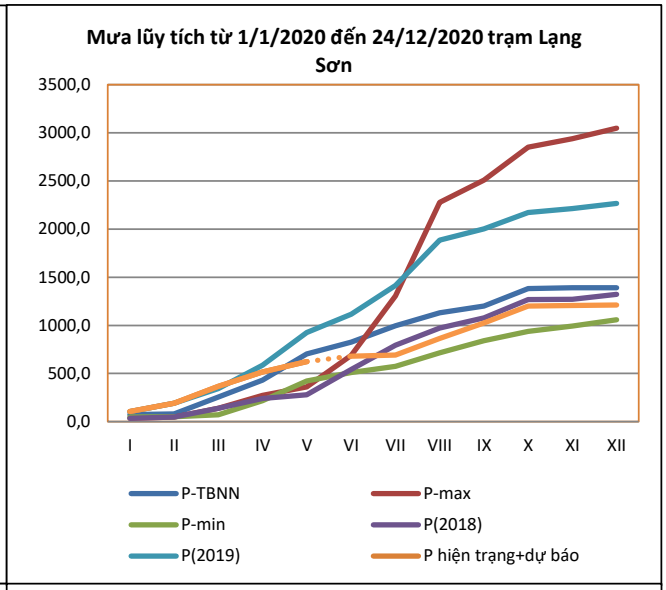

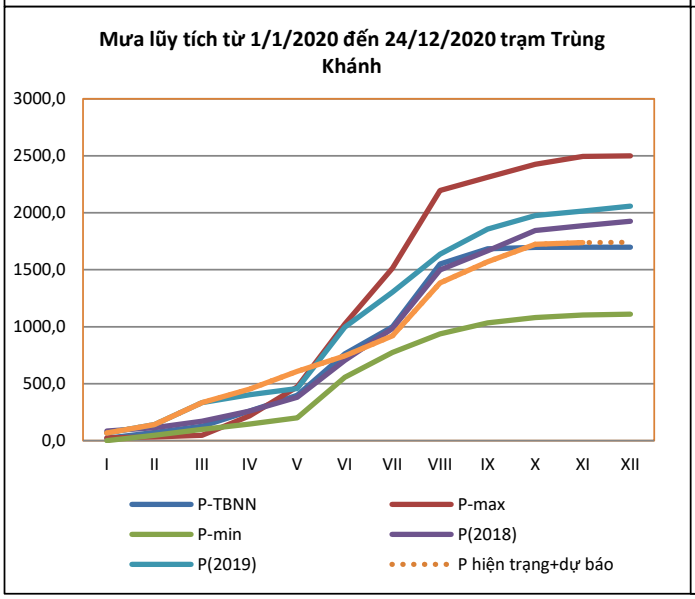

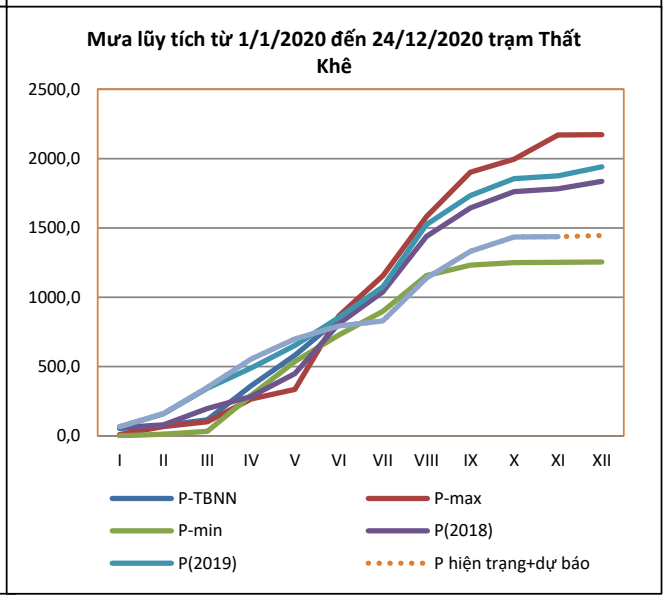

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

Hiện trạng nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m^3)	W trữ hiện tại so với W_{tk} (%)	Chênh lệch so với W trữ tuần trước (+/-%)	Dự kiến W trữ cuối tuần (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Đánh giá
						TBNN	2019	2018	2016	
1	Khuổi lái	2,46	99,98	0,00	99,98		0,00	5,77	82,80	Tăng
2	Nà Tấu	1,79	80,12	-0,04	85,22		-5,93	-18,45	72,18	Giảm
3	Bản Nưa	0,81	73,74	-0,04	77,90		36,22	-5,73	69,91	Tăng
4	Bản Viết	3,08	46,71	-0,06	51,26		-23,76	-50,58	-52,21	Giảm
5	Nà Cáy	4,31	100,00	-0,10	100,00		0,27	0,03	0,27	Tăng
6	Tà Keo	12,88	43,87	-0,06	47,07		-31,60	-40,14	-30,04	Giảm
7	Thâm Luông	0,97	22,42	-0,09	25,48		11,70	-61,36	-14,90	Tăng
8	Nà Tâm	1,91	21,56	-0,01	22,24		-53,63	-45,91	-19,70	Giảm
9	Nà Chào	2,26	28,08	-0,04	29,20		-2,45	-36,80	0,17	Giảm
10	Phai Danh	2,13	81,48	-0,05	83,00		-14,75	-15,46	18,11	Giảm
11	Nà Pàn	0,82	12,38	-0,07	17,67		12,38	0,78	-18,96	Tăng
12	Bản Chành	2,02	98,51	0,00	100,00		10,03	-1,49	10,03	Tăng
13	Bản Chang	1,61	92,43	0,42	94,69		21,53	5,76		Tăng
	Trung bình	**37,04**	**61,64**	**-0,01**	**64,13**		**-3,08**	**-20,28**	**9,81**	

Nhận xét:

- Hiện tại, 7 hồ chứa tính toán trong lưu vực tích trên 73,74% so với dung tích thiết kế, còn 6 hồ tích dưới 50% so với dung tích thiết kế: hồ Bản Viết 46,71%, Tà Keo 43,87%, Thâm Luông 22,42%, Nà Tâm 21,56%, Nà Chào 28,08%, Nà Pàn 12,38% so với dung tích thiết kế.
- Tổng dung tích 13 hồ là: 37,04 triệu m^3

- Lượng trữ của 13 hồ so với dung tích thiết kế chiếm: 61,64 %
- Dự báo xu thế nguồn nước tuần tới một số hồ tăng so với năm 2019, trừ hồ Nà Tấu, Bản Viết, Tà Keo, Nà Tâm, Nà Chào, Phai Danh giảm so với năm 2019. Một số hồ hiện tại tích ít nước do ít mưa và đang bị rò rỉ nước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Nhu cầu nước

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo:

Tổng nhu cầu nước của 14 công trình là: 0,000 x $10^6 m^3$

Nguồn nước trữ hồ chứa ở nội tại có 7 hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 73,74% so với dung tích thiết kế, trừ hồ Bản Viết, Tà Keo, Thâm Luông, Nà Tâm, Nà Chào và Nà Pàn.

Hiện tại, nguồn nước đảm bảo lấy nước tuần tới Vụ Mùa.

Nhu cầu nước của các hồ chứa thủy lợi *Đơn vị: $10^6 m^3$*

TT	Tên công trình	18/12/2020	19/12/2020	20/12/2020	21/12/2020	22/12/2020	23/12/2020	24/12/2020	Tổng
1	Khuổi Lái	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
2	Nà Tấu	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
3	Bản Nưa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
4	Bản Viết	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
5	Nà Cáy	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
6	Tà Keo	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
7	Thâm Luông	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
8	Nà Tâm	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
9	Nà Chào	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
10	Phai Danh	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
11	Nà Pàn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
12	Bản Chành	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
13	Bản Chang	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
14	HTTL Hồng Đại	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	**0,000**
	Tổng	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,000**

Thông tin bảng biêu kết quả tính toán cân băng nước và các khuyên cáo cho từng công trình như sau:

2. Khả năng cập nước của các công trình

TT	Tên công trình	Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa 2020			Ghi chú
				Dung tích cuối tuần so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Khuổi lái	99,98	221	99,98	100,0	221	Đủ nước
2	Nà Tấu	80,12	220	85,22	100,0	220	Đủ nước
3	Bản Nưa	73,74	114	77,90	100,0	114	Đủ nước
4	Bản Viết	46,71	203	51,26	100,0	203	Đủ nước
5	Nà Cáy	100,00	67	100,00	100,0	67	Đủ nước
6	Tà Keo	43,87	533	47,07	100,0	533	Đủ nước
7	Thâm Luông	22,42	127	25,48	100,0	127	Đủ nước
8	Nà Tâm	21,56	94	22,24	100,0	94	Đủ nước
9	Nà Chào	28,08	172	29,20	100,0	172	Đủ nước
10	Phai Danh	81,48	102	83,00	100,0	102	Đủ nước
11	Nà Pàn	12,38	97	17,67	100,0	97	Đủ nước
12	Bản Chành	98,51	101	100,00	100,0	101	Đủ nước
13	Bản Chang	92,43	120	94,69	100,0	120	Đủ nước
14	HTTL Hồng Đại		280		100,0	280	Đủ nước

Nhận xét:

- Các công trình hồ chứa đều đảm bảo đủ nước cho tuần tới

3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
A	**Cao Bằng**			**53%**	**0%**	**-33%**	
1		Cao Bằng	1428	69%	0%	-34%	
2		Nguyên Bình	1665	30%	-5%	-34%	
3		Trùng Khánh	1742	61%	5%	-29%	
B	**Lạng Sơn**			**66%**	**-3%**	**-48%**	
4		Bắc Sơn	1548	147%	2%	-35%	
5		Đình Lập	1346	35%	-9%	-53%	
6		Hữu Lũng	1391	62%	4%	-46%	
7		Lạng Sơn	1213	40%	-10%	-68%	
8		Thất Khê	1470	48%	-1%	-37%	

Nhận xét và khuyến cáo:

- Dự báo lượng mưa trên toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn từ 16/12 đến 24/12/2020 đạt 50% so với tổng lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm.
- Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 95% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm

4. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa Mùa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/ giảm)
1	TP. Cao Bằng	1.122	891	231					
2	H. Thông Nông	2.561	1.371	1.190					
3	H. Hà Quảng	2.228	1.138	1.090					
4	H. Trà Lĩnh	2.320	1.650	670					
5	H. Trùng Khánh	5.488	4.367	1.121					
6	H. Hạ Lang	2.138	1.570	568					
7	H. Quảng Uyên	3.475	2.055	1.420					
8	H. Phục Hòa	1.226	872	354					
9	H. Hòa An	4.285	3.600	685					
10	H. Thạch An	2.165	1.650	515					
11	H. Nguyên Bình (16/20)	2.242	1.876	366					
12	TP. Lạng Sơn	339	264	75					
13	H. Tràng Định	3.475	2.690	785					
14	H. Văn Lăng	2.113	1.962	151					
15	H. Bình Gia	2.456	2.112	344					
16	H. Bắc Sơn (4/20)	632	495	137					
17	H. Văn Quan	2.625	2.365	260					
18	H. Cao Lộc	2.515	2.138	377					
19	H. Lộc Bình (26/29)	3.739	3.428	311					
20	H. Chi Lăng (4/21)	688	578	110					
21	H. Đình Lập (5/12)	443	342	101					
22	H. Na Rì	1.351	1.277	74					
23	H. Chợ Mới (2/16)	156	134	21					
24	H. Ngân Sơn (3/11)	401	371	30					
	Cộng	**50.183**	**39.196**	**10.986**					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày: 25/12/2020

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI